

Số: 241 /BC-STC

Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 01 năm 2020
và kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2021**

I. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01 năm 2021

1. Trên cơ sở tham khảo số liệu do Cục Thống kê tỉnh Hà Nam điều tra.
Sở Tài chính lập bảng chi tiết chỉ số giá tiêu dùng tháng 01 năm 2021 như sau:

DVT: %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2019	Tháng 01/2021 so với tháng 01/2020	Tháng 01/2021 so với tháng 12/2020
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	104,01	98,14	100,77
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,87	98,15	101,30
<i>Trong đó:</i>			
Lương thực	109,05	107,72	101,99
Thực phẩm	109,35	95,75	101,46
Ăn uống ngoài gia đình	106,60	101,25	100,00
Đồ uống và thuốc lá	100,63	99,66	100,15
May mặc, giày dép và mũ nón	102,68	101,68	101,51
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	106,99	95,36	100,30
Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,95	100,55	100,05
Thuốc và dịch vụ y tế	101,95	100,04	100,00
Giao thông	92,81	90,54	102,43
Bưu chính viễn thông	97,38	99,81	100,00
Giáo dục	101,85	100,93	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	99,96	100,89	100,06
Hàng hóa và dịch vụ khác	103,32	102,06	100,05
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	141,06	127,66	102,31
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,62	99,80	99,71

2. Phân tích chi tiết như sau:

- Chỉ số giá tiêu dùng các mặt hàng tháng 01/2021 tăng 0,77% so với tháng 12/2020, giảm 1,86% so với tháng 01 năm trước, trong đó:

+ Có 08 nhóm chỉ số tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,3%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,15%; May mặc, giày dép và mũ nón tăng 1,51%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,3%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,05%; Giao thông tăng 2,43%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,06%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,05%.

+ 03 nhóm chỉ số giá ổn định so với tháng trước: Thuốc và dịch vụ y tế; Bưu chính viễn thông; Giáo dục.

- Chỉ số giá vàng tăng 2,31% so với tháng trước.

- Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,29% so với tháng trước.

II. Diễn biến giá cả thị trường tháng 01 năm 2021

1. Giá lương thực thực phẩm ổn định so với tháng trước. Cụ thể, giá gạo tẻ thường dao động trong khoảng từ 11.000-13.000đ/kg; giá ngô tẻ thường phổ biến từ 6.000đ/kg-6.500đ/kg; gạo tám thơm Hải Hậu dao động trong khoảng từ 19.000đ/kg-21.000đ/kg...

2. Giá các loại thực phẩm tươi sống

- Giá các loại thịt: Giá thịt lợn hơi dao động từ 78.000đ/kg đến 90.000đ/kg; thịt lợn thăn dao động từ 150.000đ/kg đến 170.000đ/kg; thịt lợn mông sẵn từ 150.000-165.000đ/kg, giá thịt bò thăn ổn định dao động từ 240.000đ/kg đến 250.000đ/kg; gà ta còn sống loại 1,5 kg giá từ 90.000đ/kg đến 110.000đ/kg; gà công nghiệp làm sẵn dao động từ 55.000đ/kg đến 65.000đ/kg...

- Giá một số loại thủy, hải sản giảm so với tháng trước: cá chép loại 0,5kg/con giá dao động từ 50.000 đ/kg đến 60.000 đ/kg; cá quả (cá lóc) loại 0,5kg/con giá dao động từ 90.000 đ/kg đến 100.000 đ/kg. cá thu loại 1 kg giá từ 150.000 đ/kg-170.000đ/kg, tôm rảo loại 40 con/kg dao động từ 210.000 - 250.000 đồng/kg...

- Giá các loại rau củ quả: Cà chua: 10.000đ/kg -15.000đồng/kg; bắp cải 10.000 đồng/kg-15.000 đồng/kg.

3. Giá một số mặt hàng đường, bia rượu, bánh kẹo, thuốc lá: đường RE giá dao động từ 18.000 đ/kg đến 20.000đ/kg; bia chai Hà Nội giá dao động từ 150.000 đ/két đến 175.000 đồng/két 24 chai; bia lon Hà Nội giá dao động từ 230.000 đ/thùng đến 240.000 đồng/thùng...

4. Giá xăng dầu: Trong tháng 01 năm 2021, giá xăng dầu điều chỉnh vào 15h00' ngày 11/01/2021 theo Văn bản số 150/BCT-TTTN; điều chỉnh vào

15h00' ngày 26/01/2021 theo Văn bản số 466/BCT-TTTN. Cụ thể, Xăng RON-92 II giá 16.620 đồng/lít, giá dầu Diesel 0,05S giá 13.300 đồng/lít.

5. Giá Gas petrolimex tăng so với tháng trước: mức giá phổ biến trên thị trường hiện nay từ 340.000 đồng/bình 12kg đến 370.000 đồng/bình 12kg.

6. Giá phân bón ure ổn định do nhu cầu thị trường không có nhiều biến động. Mức giá dao động từ 9.000 - 10.500 đồng/kg.

7. Giá vàng và ngoại tệ: Giá vàng 99.9% dao động từ 5.430.000 đồng/chi đến 5.490.000 đồng/chi.

III. Công tác đã triển khai tháng 01 năm 2021

1. Triển khai thực hiện Chỉ thị 06/CT-BTC ngày 21/12/2012 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Sở Tài chính Hà Nam đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng trước, trong và sau Tết để tham mưu UBND tỉnh có biện pháp bình ổn giá trong trường hợp giá cả có biến động lớn; thực hiện chế độ báo cáo giá cả thị trường trước, trong và sau Tết nguyên đán theo quy định.

2. Phối hợp với các ngành thành lập đoàn kiểm tra việc niêm yết giá và kiểm soát giá tại các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Nam, qua đó tăng cường theo dõi, đôn đốc, giám sát việc niêm yết giá và kiểm soát giá của các đơn vị, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành và xây dựng kế hoạch kiểm tra, kê khai niêm yết giá cước vận tải tại các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Hà Nam, qua đó các cơ quan chức năng tiếp tục theo dõi, đôn đốc, giám sát việc điều chỉnh giá cước các đơn vị, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Công tác thẩm định giá đất cụ thể:

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với khu đất cho Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp và Đô thị Thái Hà thuê đất (đợt 1) để đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thái Hà giai đoạn 1, tại xã Trần Hưng Đạo, huyện Lý Nhân.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất đối với Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn nhựa Đông Á và Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Hano Park 1, tại xã Đại Cương và xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng.



+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với khu đất cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thụy Dương thuê đất để thực hiện dự án xây dựng Trạm bán lẻ xăng dầu và các dịch vụ thương mại, tại phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên.

+ Thẩm định hồ sơ, phương án giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các huyện: Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng; thị xã Duy Tiên và thành phố Phủ Lý.

+ Thẩm định hồ sơ, phương án giá đất cụ thể để giao đất tái định cư trên địa bàn thành phố Phủ Lý.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với khu đất cho Công ty cổ phần sản xuất ống thép Việt Long thuê đất để ĐTXD nhà máy sản xuất ống thép Việt Long tại Khu Công nghiệp Thanh Liêm, địa bàn thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với khu đất dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Thanh Liêm giai đoạn II của Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tại phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở giao đợt 2 và điều chỉnh phương án thu tiền sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị sinh thái và dịch vụ thương mại Lam Hạ, tại phường Lam Hạ thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với khu đất cho Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Hà Nam thuê đất để đầu tư xây dựng Nhà máy gia công, chế tạo hệ thống máy tháo lắp thiết bị trao đổi nhiệt ống chùm và thiết bị phụ trợ kèm theo tại KCN Đồng Văn I, địa bàn phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Đông thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị phía Đông tuyến đường 68m đoạn từ Km0+500 đến Km1+200 tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất đối với Liên danh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Đông và Công ty cổ phần thương mại xây dựng Phú Minh khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Đông thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị phía Tây tuyến đường 68m đoạn từ Km0+500 đến Km1+200 tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng trung tâm tổ chức sự kiện, khách sạn và khu nhà ở thương mại (shophouse) tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý.

+ Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất đối với Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển hạ tầng kỹ thuật Hà Nam khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị tại xã Đại Cường, huyện Kim Bảng (giai đoạn II).

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Theo dõi sát diễn biến tình hình giá cả thị trường và thực hiện công tác báo cáo giá cả thị trường về UBND tỉnh và Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

IV. Kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2021.

1. Tăng cường công tác tham mưu về giá đất đảm bảo sát với thị trường đối với các dự án theo quy định.

2. Tăng cường công tác phối hợp trong việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

3. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

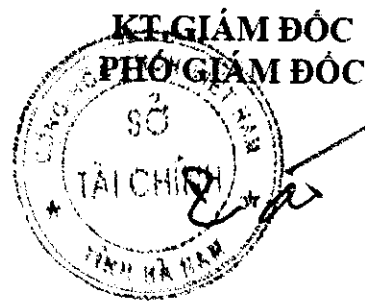
4. Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

5. Tiếp tục theo dõi tình hình giá cả thị trường, kịp thời nắm bắt thông tin giá cả trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm đã triển khai tháng 01 năm 2021 và kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2021. Sở Tài chính Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, GCS.



Phạm Văn Tạo

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 01 NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 241/BC-STC ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
1	10.001	Gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	12.000	12.500	500	4,17%	Giá khảo sát	
2	10.001	Thóc tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	6.500	6.500	-	0,00%	Giá khảo sát	
3	10.002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	17.000	18.000	1.000	5,88%	Giá khảo sát	
4	10.003	Thịt lợn hơi		đ/kg	Giá bán lẻ	90.000	95.000	5.000	5,56%	Giá khảo sát	
5	10.004	Thịt lợn nạc thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	180.000	185.000	5.000	2,78%	Giá khảo sát	
6	10.005	Thịt bò thăn	Loại 1 hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
7	10.006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/cái	đ/kg	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
8	10.007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg/1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	90.000	90.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
9	10.008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 - 2kg/1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	50.000	50.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
10	10.009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	185.000	185.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
11	10.010	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	95.000	95.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
12	10.011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
13	10.012	Tôm rào, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	230.000	230.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
14	10.015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	13.000	13.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
15	10.016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	15.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
16	10.017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	7.000	7.000	-	0,00%	Giá khảo sát	Công ty muối Việt Nam
17	10.018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít	Giá bán lẻ	44.000	44.000	-	0,00%	Giá khảo sát	Neptune
18	10.019	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	18.000	18.000	-	0,00%	Giá khảo sát	
19	10.020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	pediasure BA loại 900g	đ/kg	Giá bán lẻ	575.000	575.000	-	0,00%	Giá khảo sát	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
20	30.001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	5.000	5.000	-	0,00%		Lavie
21	30.002	Rượu vang nội	Chai 750ml	đ/chai	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	0,00%		Vang Thăng Long
22	30.003	Nước giải khát có ga	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng 24 lon	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	0,00%		7 up
23	30.004	Bia lon	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng 24 lon	Giá bán lẻ	220.000	220.000	-	0,00%		Bia Hà Nội
24	40.001	Xi măng	PCB30 bao 50kg	đ/bao	Giá bán lẻ	65.000	65.600	600	0,92%		Bút Sơn
25	40.003	Cát xây	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m ³	Giá bán lẻ	170.000	170.000	-	0,00%		
26	40.004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m ³	Giá bán lẻ	420.000	425.000	5.000	1,19%		
27	40.005	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m ³	Giá bán lẻ	150.000	150.000	-	0,00%		
28	40.006	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Giá bán lẻ	870	1.000	130	14,94%		
29	40.008	Gas đun	Loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/kg	Giá bán lẻ	28.333	30.000	1.667	5,88%		Gas petrolimex
30	60.003	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt		49.000	49.000	-	0,00%	Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam	
31	60.004	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt		47.000	47.000	-	0,00%		phim ≤ 24x30 cm (1 tư thế)
32	60.005	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis		đ/lượt		42.400	42.400	-	0,00%		
33	60.006	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt		45.900	45.900	-	0,00%	Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
34	60.007	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt		231.000	231.000	-	0,00%		
35	70.001	Trông giữ xe máy		đ/lượt		3.000	3.000	-	0,00%		
36	70.002	Trông giữ ô tô		đ/lượt		5.000	5.000	-	0,00%		
37	70.003	Giá cước ô tô đi đường dài	Chọn 1 tuyến phổ biến, xe đường dài máy lạnh	đ/vé		50.000	50.000	-	0,00%		Hà Nam - Hà Nội
38	70.006	Xăng E5 Ron 92		đ/lít	Giá bán lẻ	15.095	16.250	1.155	7,65%		
39	70.007	Xăng Ron 95-IV		đ/lít	Giá bán lẻ	16.085	17.370	1.285	7,99%		
40	70.008	Dầu Diezel 0,05S		đ/lít	Giá bán lẻ	11.885	12.890	1.005	8,46%		
41	80.001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập	Khu vực nông thôn tại các huyện	Đồng/tháng		65.000	65.000	-	0,00%		
42	80.002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)	Khu vực nông thôn tại các huyện	Đồng/tháng		55.000	55.000	-	0,00%		
43	80.003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)	Khu vực nông thôn tại các huyện	Đồng/tháng		70.000	70.000	-	0,00%		
44	90.002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi	đ/ngày-đêm		880.000	880.000	-	0,00%		INCO 515.9
45	90.003	Phòng nhà khách tư nhân	1 giường, điều hòa, nước nóng - lạnh, phòng vệ sinh khép kín	đ/ngày-đêm		200.000	200.000	-	0,00%		
46	100.001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	1000 đ/chỉ		5.375	5.455	80	1,49%		Vàng nhẫn tròn thị trường tự do
47	100.002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đ/USD		23.181	23.147	(34)	-0,15%		Giá mua vào và bán ra của ngân hàng thương mại

